

CÔNG TY CP ĐTPT TM VIỄN ĐÔNG
129 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT*

Quý 03 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đơn vị tính: VND			
STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	340,952,073,560	356,822,120,690
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	6,708,816,060	6,612,217,312
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	255,961,624,089	255,794,591,408
4	Hàng tồn kho	74,817,766,709	89,424,100,051
5	Tài sản ngắn hạn khác	3,463,866,702	4,991,211,919
II	Tài sản dài hạn	161,124,608,336	180,153,099,877
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	126,308,411,382	131,442,000,300
	- Tài sản cố định hữu hình	37,915,161,378	42,766,903,906
	- Tài sản cố định vô hình	66,520,302,445	66,368,896,170
	- Tài sản cố định thuê tài chính	18,873,405,633	16,845,115,766
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,999,541,926	5,461,084,458
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31,536,016,000	45,654,023,000
5	Tài sản dài hạn khác	3,280,180,954	3,057,076,577
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	502,076,681,896	536,975,220,567
IV	Nợ phải trả	230,578,947,316	266,176,143,528
1	Nợ ngắn hạn	179,231,670,030	211,788,814,967
2	Nợ dài hạn	51,347,277,286	54,387,328,561
V	Vốn chủ sở hữu	271,497,734,580	270,799,077,039
1	Vốn chủ sở hữu	271,133,008,522	269,563,993,948
	- Vốn đầu tư chủ sở hữu	214,491,910,000	214,491,910,000

	- Thặng dư vốn cổ phần	20,405,115,000	20,405,115,000
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch đánh tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	8,039,242,233	9,702,370,564
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25,229,134,303	21,996,991,398
	- Nguồn vốn khác của chủ sở hữu	2,967,606,986	2,967,606,986
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	364,726,058	1,235,083,091
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	364,726,058	1,235,083,091
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	502,076,681,896	536,975,220,567

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	157,236,723,260	449,595,534,337
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	17,195,855	141,711,200
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	157,219,527,405	449,453,823,137
4	Giá vốn hàng bán	138,393,809,704	398,775,118,180
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18,825,717,701	50,678,704,957
6	Doanh thu hoạt động tài chính	11,128,310,022	11,973,405,199
7	Chi phí tài chính	7,526,286,636	19,933,489,611
8	Chi phí bán hàng	1,549,318,377	4,534,265,754
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,145,925,375	14,173,033,865
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15,732,497,335	24,011,320,926
11	Thu nhập khác	73,217,800	152,525,510
12	Chi phí khác	58,424,132	84,320,188
13	Lợi nhuận khác	14,793,668	68,205,322
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15,747,291,003	24,079,526,248

15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,660,072,189	2,038,466,450
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,087,218,814	22,041,059,798
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	656.77	1,027.59
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

* Đã cập nhật, thay cho báo cáo ngày 16/10/2009

Ngày 22 tháng 10 năm 2009

Tổng Giám Đốc

Võ Nguyên Khôi